

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Đ/ 27
H, O

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

Môn học: Anh văn chuyên ngành (22401701)

Ngày thi: 21/07/2025

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: B205

Số SV có mặt: 27

Số bài thi: 27

Số tờ giấy thi: 27

T. Hoàng
Đỗ Nguyễn Thị Mỹ Dung
Phạm Văn Mạnh
Hồng Thăng Hoàng

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2123110056	Lê Trọng Bảo	06/11/2005	CCQ2311B	1208		7,2	5,0	5,9	
2	2123110019	Trần Thị Minh Chi	13/05/2004	CCQ2311A	1209		7,1	5,6	6,2	
3	2123110052	Huỳnh Văn Định	07/07/2005	CCQ2311B	1210		6,9	5,6	6,1	
4	2123110029	Bùi Thanh Đông	02/01/2005	CCQ2311A	1208		6,8	5,2	5,8	
5	2123110036	Lâm Trùng Dương	07/07/1999	CCQ2311B	1208		8,1	6,4	7,1	
6	2123110470	Nguyễn Thị Mẫn Duy	17/10/2005	CCQ2311A	1209		7,7	7,0	7,3	
7	2123110021	Nguyễn Hoàng Gia	06/03/2005	CCQ2311A	1210		7,4	6,8	7,0	
8	2123110066	Đinh Quang Hà	01/11/2005	CCQ2311B	1207		7,0	3,6	5,0	
9	2123110001	Ma Văn Hải	26/08/2002	CCQ2311A	1208		6,3	4,2	5,0	
10	2123110043	Bùi Quang Hào	25/11/2005	CCQ2311B	1209		7,8	4,4	5,8	
11	2123110059	Trần Ngọc Hiệp	02/09/2004	CCQ2311B	1208		6,8	3,6	5,0	
12	2123110537	Phan Ngọc Xuân	03/04/2005	CCQ2311A	1207		8,2	7,2	7,6	
13	2123110009	Lưu Đức Hoà	27/11/2004	CCQ2311A	1208		8,0	5,6	6,6	
14	2123110024	Hồ Minh Hoàng	20/05/2005	CCQ2311A	1209		7,5	5,4	6,2	
15	2123110049	Nguyễn Thế Hoàng	22/08/2005	CCQ2311B	1208		7,5	3,8	5,3	
16	2123110475	Nguyễn Phi Hùng	29/04/2005	CCQ2311B	1207		8,6	6,4	7,3	
17	2123110060	Tô Văn Hưng	21/02/2005	CCQ2311B	1210		7,3	6,4	6,8	
18	2123110051	Đông Phúc Khánh	20/04/2005	CCQ2311B	1209		8,0	5,0	6,2	
19	2123210003	Trần Văn Khánh	26/07/2004	CCQ2311A	1208		7,4	4,8	5,8	
20	2123110016	Nguyễn Viết Khoa	30/11/2005	CCQ2311A	1207		7,9	5,6	6,5	
21	2123110058	Phạm Đăng Khoa	14/10/2005	CCQ2311B	1210		7,4	4,6	5,7	
22	2123110270	Phạm Thành Khương	17/02/2005	CCQ2311A	1209		7,1	7,4	7,3	
23	2123110044	Võ Trung Kiên	05/11/2005	CCQ2311B	1210		7,8	5,4	6,4	
24	2123110067	Đỗ Quốc Kiệt	06/05/2005	CCQ2311B	1207		8,6	7,8	8,1	
25	2123110013	Thái Mộng Kiều	21/08/2005	CCQ2311A	1208		8,1	6,8	7,3	
26	2123110002	Nguyễn Hồng Kỳ	26/01/2004	CCQ2311A	1209		8,0	7,2	7,5	
27	2123110480	Phan Nhật Lâm	14/07/2005	CCQ2311A	1210		7,5	7,4	7,4	

(43)

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Đ126
Hs 02

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

Môn học: Anh văn chuyên ngành (22401705)

Ngày thi: 21/07/2025

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: B206

Số SV có mặt: 28..

Số bài thi:28...

Số tờ giấy thi: 28..

N. Xuân Lưu

Trần Thị

Huyền

Phạm Văn Mạnh

Trần Thị Hoàng

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ. QT (40%)	Đ. Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2123110482	Phạm Ngọc An	07/03/2005	CCQ2311M	1210	An	8,2	5,2	6,4	
2	2123110499	Lê Võ Thiên Ân	02/04/2005	CCQ2311M	1208	An	9,2	8,4	8,7	
3	2123110520	Nguyễn Lê Kim Anh	18/06/2005	CCQ2311M	1210	An	8,8	7,4	8,0	
4	2123110496	Nguyễn Thị Trâm Anh	27/08/2005	CCQ2311M	1209	An	9,1	7,6	8,2	
5	2123110491	Nguyễn Quốc Bảo	16/08/2005	CCQ2311M	1210	Bao	6,8	3,8	5,0	
6	2123110387	Nguyễn Trần Thái Bảo	20/06/2005	CCQ2311K	1208	Bao	7,5	5,8	6,5	
7	2123110489	Võ Ngọc Bảo	01/06/2005	CCQ2311M	1209	Bao	8,8	7,6	8,4	
8	2123110378	Đỗ Thanh Bình	05/01/2005	CCQ2311K	1207	Binh	6,7	4,8	5,6	
9	2123110524	Nguyễn Thanh Bình	03/10/2001	CCQ2311M	1208	Binh	7,2	4,2	5,4	
10	2123110500	Trương Thị Kim Cúc	04/05/2005	CCQ2311M	1207	Cuc	8,4	5,4	6,6	
11	2123110421	Võ Tấn Dân	04/11/2005	CCQ2311L	1209	Dan	8,1	6,4	7,1	
12	2123110515	Lê Quý Đôn	24/06/2005	CCQ2311M	1207	Don	8,5	5,2	6,5	
13	2123110517	Trần Công Đức	21/06/2002	CCQ2311M	1210	Duc	8,3	7,2	7,6	
14	2123110377	Vũ Quốc Dương	24/07/2004	CCQ2311K			0,0			
15	2123110436	Trần Thành Hà	25/09/2004	CCQ2311L	1208	Ha	6,0	5,0	5,4	
16	2123110412	Lê Thị Thu Hằng	09/02/2004	CCQ2311K	1207	Hang	7,3	2,4	4,4	
17	2123110447	Lê Công Hậu	20/03/2005	CCQ2311L	1208	Hau	8,5	6,2	7,1	
18	2123110408	Nguyễn Huỳnh Thu Hiền	24/02/2005	CCQ2311K	1207	Hien	8,2	6,8	7,4	
19	2123110415	Trần Thành Hiền	01/06/2005	CCQ2311L	1210	Hien	6,9	5,4	6,0	
20	2123110425	Phạm Huỳnh Minh Hiếu	10/07/2005	CCQ2311L	1207	Hieu	7,1	2,0	4,0	
21	2123110444	Phạm Minh Hiếu	10/03/2005	CCQ2311L	1207	Hieu	7,6	3,6	5,2	
22	2123110416	Nguyễn Đức Hiếu	24/01/2005	CCQ2311L	1209	Hieu	7,2	5,0	5,9	
23	2123110457	Trương Thanh Hóa	29/11/2004	CCQ2311L	1210	Hoa	7,7	6,0	6,7	
24	2123110406	Hoàng Đức Hữu	23/04/2005	CCQ2311K	1209	Huu	7,7	7,0	7,3	
25	2123110428	Trương Đăng Huy	21/06/2005	CCQ2311L	1210	Huy	6,2	6,0	6,1	
26	2123110427	Trương Trọng Hỷ	20/10/2005	CCQ2311L			0,0			
27	2123110513	Nguyễn Văn Khan	22/10/2004	CCQ2311M	1210	Khan	8,5	6,6	7,4	
28	2122110489	Nguyễn Anh Khoa	03/01/2004	CCQ2211L	1209	Khoa	6,8	4,2	5,2	

43

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

Môn học: Anh văn chuyên ngành (22401705)

Ngày thi: 21/07/2025

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: B206

Số SV có mặt: 28.

Số bài thi:28..

Số tờ giấy thi: 28.

(Signatures and stamps of examiners and supervisors)

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2123110431	Nguyễn Đình Kiệt	12/09/2005	CCQ2311K	1208	K.đ	6,8	4,6	5,5	
30	2123110386	Lê Việt Linh	09/09/2005	CCQ2311K	1208	Linh	7,1	4,4	5,5	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

T. Mạnh

Đ: 23
H: 04

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G. Viên chấm thi 1 G. Viên chấm thi 2

Môn học: Anh văn chuyên ngành (22401707)

Ngày thi: 21/07/2025

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: B207

Số SV có mặt: 27

Số bài thi: 27

Số tờ giấy thi: 27

T. Mạnh
Phạm
Mai Kiều

Hồng Thắng Hoàng
Phạm Văn M.

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ. QT (40%)	Đ. Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2123110075	Phạm Hoài An	18/04/2005	CCQ2311C	08		6,8	6,6	6,7	
2	2123110135	Phạm Đức Anh	22/03/2005	CCQ2311D	07		8,5	5,6	6,8	
3	2123110096	Hồ Quốc Bảo	18/05/2005	CCQ2311C	10		6,1	3,0	4,2	
4	2123110487	Phùng Đàm Duy	31/03/2005	CCQ2311C	09		5,9	7,6	6,9	
5	2123110115	Nguyễn Phước Gia	09/01/2005	CCQ2311D	08		7,2	6,2	6,6	
6	2123110134	Nguyễn Thành Công	21/02/2005	CCQ2311D	07		6,6	3,8	4,9	
7	2123110484	Nguyễn Thị Thùy Dung	03/07/2005	CCQ2311M	10		7,4	6,8	7,0	
8	2123110108	Nguyễn Ngọc Duy	21/08/2004	CCQ2311D	09		8,9	3,8	5,8	
9	2123110088	Trần Bảo Duy	13/11/2005	CCQ2311C	10		6,8	2,6	4,3	
10	2123110139	Lưu Công Tuấn Em	16/01/2005	CCQ2311D	07		7,3	3,6	5,1	
11	2123110479	Hoàng Xuân Hải	09/10/2003	CCQ2311M	08		5,2	6,0	5,7	
12	2123110508	Lê Nhựt Hào	18/03/2005	CCQ2311M	09		8,3	7,0	7,5	
13	2123110095	Phan Phước Hiếu	25/09/2005	CCQ2311C	10		9,3	6,0	7,3	
14	2123110125	Lê Thanh Hồ	30/07/2005	CCQ2311D	07		8,8	6,4	7,4	
15	2123110122	Nguyễn Minh Hoàng	02/06/2004	CCQ2311D	09		6,0	5,6	5,8	
16	2123110512	Nguyễn Khánh Hùng	25/11/2005	CCQ2311M	08		5,6	6,2	6,0	
17	2123110502	Phạm Nguyễn Nhân Kiệt	08/01/2005	CCQ2311M	07		6,0	7,0	6,6	
18	2123110087	Nguyễn Đức La	17/07/2005	CCQ2311C	10		7,5	6,6	7,0	
19	2123110521	Nguyễn Hoàng Lâm	27/01/2005	CCQ2311M	09		6,2	7,2	6,8	
20	2123110109	Nguyễn Văn Lâm	11/02/2005	CCQ2311D	08		6,7	6,4	6,5	
21	2123110504	Hồ Mậu Hoàng Long	06/10/2005	CCQ2311D	10		9,2	9,0	9,1	
22	2123110100	Nguyễn Ngọc Mẫn	20/03/2005	CCQ2311C	07		5,9	6,0	6,0	
23	2123110072	Trần Văn Nam	30/03/2005	CCQ2311C			0,0			
24	2123110105	Võ Hoàng Nam	13/05/2005	CCQ2311C	09		6,9	3,6	4,9	
25	2123110503	Nguyễn Ngọc Bảo Ngân	03/12/2005	CCQ2311D	10		9,0	6,4	7,4	
26	2123110136	Thạch Trần Trung Nhân	26/03/2001	CCQ2311C	09		6,4	4,2	5,1	
27	2123110077	Cao Quang Nhật	02/09/2005	CCQ2311C	07		9,6	9,2	9,4	
28	2123110114	Nguyễn Văn Nhựt	27/12/2005	CCQ2311D	08		6,0	5,2	5,5	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

T. Manh

Môn học: Anh văn chuyên ngành (22401707)

Ngày thi: 21/07/2025

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: B208

Số SV có mặt: 27

Số bài thi: 27

Số tờ giấy thi: 27

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ. QT (40%)	Đ. Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2123110509	Thái Vĩnh Phú	29/07/2005	CCQ2311M	1209		6,1	5,8	5,9	
2	2123110118	Lê Quang Phúc	18/09/2005	CCQ2311D	1208		8,9	6,6	7,5	
3	2123110510	Trần Đăng Phúc	16/08/2005	CCQ2311M	1207		7,5	6,8	7,1	
4	2123110142	Trần Trọng Phúc	05/12/2005	CCQ2311D	1210		9,7	5,6	7,2	
5	2123110102	Nguyễn Minh Quang	14/02/2005	CCQ2311C			0,5			
6	2123110107	Hồ Sĩ Quý	31/10/2005	CCQ2311D	1208		7,8	6,0	6,7	
7	2123110076	Nguyễn Quốc Sang	20/11/2005	CCQ2311C	1207		8,9	4,8	6,4	
8	2123110104	Nguyễn Hoài Tâm	02/01/2005	CCQ2311C	1210		9,8	8,2	8,8	
9	2123110093	Bùi Quốc Thái	05/01/2005	CCQ2311C	1209		8,3	4,2	5,8	
10	2123110485	Nguyễn Văn Thắng	13/02/2005	CCQ2311M	1208		8,4	4,6	6,1	
11	2123110089	Nguyễn Thuận Thảo	21/09/2005	CCQ2311C	1207		8,0	7,0	7,4	
12	2123110488	Hoàng Ngọc Thế	18/09/2005	CCQ2311M	1210		8,1	7,6	7,8	
13	2123110490	Đỗ Thị Mỹ Thi	21/11/2005	CCQ2311M	1209		7,4	7,2	7,3	
14	2123110126	Nguyễn Tấn Thiện	12/03/2005	CCQ2311D	1207		9,1	5,4	6,9	
15	2123110085	Nguyễn Tấn Thịnh	05/10/2005	CCQ2311C	1208		8,5	6,8	7,5	
16	2123110078	Nguyễn Mậu Thơ	13/05/2005	CCQ2311C	1210		5,4	7,4	6,6	
17	2123110120	Nguyễn Ngọc Huỳnh Trâm	26/04/2005	CCQ2311D	1209		9,7	4,0	6,3	
18	2123110130	Lê Nguyễn Thuý Trang	28/04/2005	CCQ2311D	1208		9,5	6,0	7,4	
19	2123110137	Trương Minh Trí	30/09/2005	CCQ2311D	1207		7,2	3,4	4,9	
20	2123110466	Nguyễn Khắc Triệu	21/05/2004	CCQ2311D	1210		6,4	8,2	7,5	
21	2123110119	Nguyễn Thị Thanh Trúc	05/03/2005	CCQ2311D	1209		9,2	5,0	6,7	
22	2123110497	Nguyễn Mạnh Trung	05/08/2005	CCQ2311M			4,6			
23	2123110098	Nguyễn Quang Trường	13/10/2005	CCQ2311C	1208		9,2	7,0	7,9	
24	2123170591	Quang Văn Trường	10/12/2005	CCQ2311D	1210		9,7	5,2	7,0	
25	2123110128	Lê Thanh Tường	05/09/2005	CCQ2311D	1209		7,2	5,8	6,4	
26	2123110123	Huỳnh Thái Viên	01/09/2005	CCQ2311D	1210		9,7	4,2	6,4	
27	2123110498	Lê Thế Vinh	15/09/2005	CCQ2311M	1208		5,8	7,2	6,6	
28	2123110079	Tạ Thanh Xuân	23/07/2005	CCQ2311C	1207		7,4	4,6	5,7	
29	2123110511	Đoàn Như Ý	17/06/2005	CCQ2311M	1209		7,3	8,4	8,0	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Môn học: Anh văn chuyên ngành (22401705)

Ngày thi: 21/07/2025

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: B209

Số SV có mặt: 27

Số bài thi: ...27...

Số tờ giấy thi: 27

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

46

T. Hoàng

Bu Thị Viên

Phạm Văn Mạnh

Hồng Thắng Hoàng

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ. QT (40%)	Đ. Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2123110532	Trương Quang Nhật	Linh	14/10/2001	CCQ2311K	1207	Linh	7,3	7,2	7,2
2	2123110414	Đào Nữ Hoàng Ly	Ly	27/07/2005	CCQ2311L	08	Ly	8,0	6,8	7,3
3	2123110449	Nguyễn Công	Lý	15/11/2005	CCQ2311L	09	Gi	8,3	7,4	7,8
4	2123110388	Nguyễn Võ Duy	Nam	01/01/2005	CCQ2311K	10	uy	6,7	4,6	5,4
5	2123110404	Hồ Sĩ	Nguyên	25/03/2005	CCQ2311K	07	Nguyễn	7,8	6,2	6,8
6	2123110469	Nguyễn Hoài	Nhân	03/09/2005	CCQ2311L	08	Nhan	8,4	9,2	8,9
7	2123110381	Huỳnh Đỗ Nhuận	Phát	12/12/2005	CCQ2311K	09	Nh	6,6	6,4	6,5
8	2123110424	Nguyễn Cửu Minh	Phú	25/10/2005	CCQ2311L	10	Phu	7,9	6,2	6,9
9	2123110478	Lầu Duy	Phúc	24/06/2005	CCQ2311L	07	Phuc	8,0	6,8	7,3
10	2123110432	Võ Văn	Phúc	31/10/2005	CCQ2311K	08	Phuc	7,9	4,6	5,9
11	2123110417	Nguyễn Khắc	Phước	03/05/2005	CCQ2311L	09	phuc	8,2	6,4	7,1
12	2123110434	Bạch Đông	Quân	13/01/2005	CCQ2311L	10	bdq	9,2	9,8	9,6
13	2123110483	Nguyễn Đắc	Quân	02/06/2005	CCQ2311L	07	Qu	6,9	7,2	7,1
14	2123110369	Nguyễn Văn	Quốc	26/05/2005	CCQ2311K	08	Qu	8,1	7,4	7,7
15	2123110423	Kiều Xuân	Thanh	09/06/2004	CCQ2311L	09	X	7,1	4,2	5,4
16	2123110407	Phan Trung	Thành	11/11/2005	CCQ2311K	10	Th	7,6	5,6	6,4
17	2123110527	Nguyễn Ngọc	Thiện	22/04/2005	CCQ2311L			0,0		
18	2122110551	Lê Thị Mỹ	Tiến	18/06/2004	CCQ2211M	08	M	7,3	3,8	5,2
19	2123110456	Nguyễn Trọng	Tín	14/07/2004	CCQ2311L	09	Tin	7,1	5,0	5,8
20	2123110472	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	26/09/2005	CCQ2311L	10	Cam	9,1	6,2	7,4
21	2123110411	Nguyễn Xuân	Tường	25/10/2005	CCQ2311K	07	X	8,1	7,0	7,4
22	2123110477	Trần Quốc	Tự	17/01/2005	CCQ2311L	08	Tu	7,5	4,8	5,9
23	2123110401	Trương Thanh	Tuyền	05/07/2005	CCQ2311K	09	Th	7,9	6,2	6,9
24	2123110373	Nguyễn Thị Ái	Vi	12/02/2005	CCQ2311K	10	Vi	8,6	7,0	7,6
25	2123110474	Nguyễn Anh	Vũ	21/09/2005	CCQ2311L	07	anh	7,1	6,4	6,7
26	2123110382	Nguyễn Chí	Vương	07/02/2005	CCQ2311K	08	Chi	8,9	9,6	9,3
27	2123110402	Nguyễn Huỳnh Khánh	Vy	03/04/2005	CCQ2311K	09	Khu	7,9	6,0	6,8
28	2123110392	Trần Thị Ngọc	Yến	28/09/2005	CCQ2311K	10	Yen	6,9	6,8	6,8



DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Anh văn chuyên ngành (22401701)

Ngày thi: 21/07/2025

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: B301

Số SV có mặt: 27...

Số bài thi: ...27...

Số tờ giấy thi: 27...

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2123110017	Mai Xuân	Lộc	18/10/2005	CCQ2311A	1207	Lộc	6,1	5,4	5,7
2	2123110533	Nguyễn Hữu	Long	08/11/2005	CCQ2311B	1208	Long	6,9	4,0	5,2
3	2121110246	Trần Văn	Lý	20/01/2003	CCQ2111H	1209	Lý	7,4	4,0	5,4
4	2123110054	Trần Thị Mỹ	Như	17/05/2005	CCQ2311B	1210	Mỹ	7,7	4,4	5,7
5	2123110025	Mai Hồng	Phúc	14/01/2005	CCQ2311A	1207	Hồng	7,1	4,4	5,5
6	2123110010	Võ Hồng	Phúc	21/06/2001	CCQ2311A	1208	Hồng	7,8	7,0	7,3
7	2123110046	Lê Võ Nhật	Pin	24/09/2005	CCQ2311B	1209	Pin	8,1	7,0	7,4
8	2123110459	Lê Hoàng	Quân	03/05/2005	CCQ2311B	1210	Quân	8,4	7,0	7,6
9	2123110042	Trần Thị Kim	Quý	11/12/2005	CCQ2311B	1207	Kim	9,4	8,0	8,6
10	2123110038	Nguyễn Anh	Quốc	18/03/2003	CCQ2311B	1208	Anh	9,0	9,2	9,1
11	2123110473	Bùi Thanh	Tài	07/08/2005	CCQ2311B	1209	Tài	7,9	4,6	5,9
12	2122110169	Nguyễn Tấn	Tài	21/03/2004	CCQ2211E	1210	Tài	6,5	4,2	5,1
13	2123110020	Nguyễn Duy	Tân	12/10/2005	CCQ2311A	1207	Duy	7,5	6,8	7,1
14	2123110006	Trần Trọng	Tấn	10/04/2004	CCQ2311A	1208	Trọng	9,3	7,8	8,4
15	2123110069	Cù Cao Quốc	Thắng	04/02/2005	CCQ2311B	1209	Thắng	7,0	7,0	7,0
16	2123110011	Trần Nhật	Thanh	15/03/2005	CCQ2311A	1210	Thanh	7,7	6,6	7,0
17	2123110028	Phạm Nguyễn Hoàng	Thiện	07/06/2005	CCQ2311A	1217	Thiện	8,0	8,2	8,4
18	2123110063	Lê Công	Thịnh	13/09/2005	CCQ2311B	1208	Thịnh	7,6	7,2	7,4
19	2123110040	Nguyễn Văn	Thụ	06/09/2005	CCQ2311B	1209	Văn	7,4	4,8	5,8
20	2123110071	Nguyễn Thị Thu	Thúy	23/07/2005	CCQ2311B	1210	Thu	8,4	8,0	8,2
21	2123110041	Lê Thị Cẩm	Tiên	24/04/2005	CCQ2311B	1207	Cẩm	7,3	4,2	5,4
22	2123110015	Trương Quốc	Toàn	12/07/2005	CCQ2311A	1208	Quốc	7,2	6,4	6,7
23	2123110070	Tổng Lê Duy	Trí	14/07/2005	CCQ2311B	1209	Duy	6,8	8,4	7,8
24	2123110005	Nguyễn Xuân	Trường	10/09/1999	CCQ2311A	1210	Xuân	7,7	9,4	8,7
25	2123110486	Từ Văn Anh	Trường	04/04/2005	CCQ2311A	1207	Anh	7,7	8,0	7,9
26	2123110061	Nguyễn Anh	Tuấn	11/09/2000	CCQ2311B	1208	Anh	6,4	7,8	7,2
27	2122110258	Huỳnh Đức	Việt	12/07/2004	CCQ2211G	1209	Đức	6,4	6,4	6,4

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Môn học: Anh văn chuyên ngành (22401702)

Ngày thi: 21/07/2025

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: B302

Đ 21
H: 03

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

Số SV có mặt: 24

Số bài thi: ... 24 ..

Số tờ giấy thi: 24

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2123110154	Huỳnh Thị Ngọc	Ánh	20/08/2005	CCQ2311E	1207	Anh	8,9	8,0	8,4
2	2123110193	Lê Gia	Bảo	16/12/2005	CCQ2311F	1208	Bao	6,9	3,0	4,6
3	2123110460	Nguyễn Ngọc Gia	Bảo	20/05/2005	CCQ2311E	1209	Ba	7,9	2,6	4,7
4	2123110543	Nguyễn Văn	Chính	30/09/2004	CCQ2311F	1210	Ch	7,7	5,2	6,2
5	2123110209	Trương Quốc	Đạt	15/06/2005	CCQ2311F	1207	Dat	7,4	6,6	6,9
6	2123110212	Võ Thành	Đạt	09/06/2005	CCQ2311F	1208	Dat	6,2	7,8	7,2
7	2123110145	Nguyễn Tấn	Điệp	10/04/2004	CCQ2311E	1209	Diep	6,3	5,8	6,0
8	2123110210	Trần Văn	Đoàn	09/02/2005	CCQ2311F	1210	Doan	6,1	4,4	5,1
9	2123110163	Đoàn Văn	Đức	27/10/2004	CCQ2311E	1207	Du	8,9	6,4	7,4
10	2123110203	Hà Nhật	Duy	28/08/2005	CCQ2311F	1208	Duy	7,6	6,8	7,1
11	2123110184	Nguyễn Đình Trường	Giang	08/01/2005	CCQ2311F	1209	Giang	6,2	7,6	7,0
12	2123110205	Nguyễn Thị Ngọc	Giàu	10/02/2005	CCQ2311F	1210	Giu	8,1	4,6	6,0
13	2123110179	Trần Ngọc	Hải	28/03/2005	CCQ2311E	1207	Hai	2,8	2,6	2,7
14	2123110161	Nguyễn Vũ	Hiệp	03/03/2005	CCQ2311E	1208	Hiep	7,9	6,2	6,9
15	2123110465	Nguyễn Tấn	Hiệu	28/10/2005	CCQ2311E	1209	Hieu	6,2	4,4	5,1
16	2122170697	Trần Quốc	Hoàng	08/04/2004	CCQ2211L	1210	Hu	6,6	4,8	5,5
17	2123110152	Nguyễn Hoàng Phi	Hồng	26/04/2005	CCQ2311E	1207	Hong	7,0	4,8	5,7
18	2123110155	Nguyễn Quang	Huy	02/05/2005	CCQ2311E	1208	Huy	9,3	7,4	8,2
19	2123110151	Triệu Quốc	Huy	26/01/2005	CCQ2311E	1209	Huy	5,8	4,4	5,0
20	2123110188	Nguyễn Ngọc Khánh	Huyền	17/10/2005	CCQ2311F	1210	Huyen	9,7	7,8	8,6
21	2123110199	Nguyễn Thị Thu	Huyền	09/01/2005	CCQ2311F	1207	Huyen	9,1	7,4	8,1
22	2123110180	Trần Trung	Kiên	15/06/2005	CCQ2311E	1208	Kien	7,2	5,8	6,4
23	2123110201	Lê Trương Anh	Kiệt	19/08/2005	CCQ2311F	1209	Kiet	7,5	6,2	6,7
24	2123110204	Trần Thị Diễm	My	22/09/2005	CCQ2311F	1210	My	8,7	5,2	6,6

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Đ: 19
H: 01

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Anh văn chuyên ngành (22401702)

Ngày thi: 21/07/2025

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: B303

Số SV có mặt: 22

Số bài thi: 22

Số tờ giấy thi: 22

STT	Mã SV	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2123110156	Dương Văn	Nam	05/04/2005	CCQ2311E	1210	Dương Văn	7,1	7,0	7,0	
2	2123110170	Nguyễn Định	Nam	24/05/2005	CCQ2311E	1207	Nguyễn Định	7,7	6,6	7,0	
3	2123110176	Trần Thị Mộng	Ngân	20/06/2005	CCQ2311E	1208	Ngân	8,0	6,0	6,8	
4	2123110195	Nguyễn Thị Mỹ	Nguyên	12/01/2003	CCQ2311F	1209	Nguyễn Thị Mỹ	9,5	7,0	8,0	
5	2123110177	Biện Văn	Nhân	16/02/2005	CCQ2311E	1210	Biện Văn	7,7	5,6	6,4	
6	2123110146	Nguyễn Nghĩa	Nhân	30/09/2005	CCQ2311E			0,0			
7	2123110157	Trần Nhật Thành	Nhân	31/08/2005	CCQ2311E			0,0			
8	2123110213	Trần Minh	Phát	30/08/2005	CCQ2311F	1208	Phát	8,8	6,4	7,4	
9	2123110202	Phạm Văn Quỳnh	Phúc	21/06/2004	CCQ2311F	1209	Phúc	9,8	7,4	8,4	
10	2123110197	Trần Thanh	Sang	03/08/2005	CCQ2311F	1210	Sang	9,2	6,6	7,6	
11	2123110150	Lê Xuân	Tài	17/07/2005	CCQ2311E	1207	Lê Xuân	7,1	4,0	5,2	
12	2123110166	Nguyễn Tuấn	Tài	01/07/2005	CCQ2311E	1208	Nguyễn Tuấn	9,2	4,8	5,2	
13	2123110174	Ung Thị Thanh	Thảo	06/11/2005	CCQ2311E	1208	Thảo	8,8	6,8	7,6	
14	2123110173	Phan Thanh Đức	Tín	13/02/2005	CCQ2311E	1210	Tín	8,4	5,2	6,5	
15	2123110187	Trần Văn	Toàn	27/05/2005	CCQ2311F	1209	Toàn	8,0	5,2	6,3	
16	2123110160	La Quang	Triều	25/03/2005	CCQ2311E	1209	Triều	8,7	8,4	8,5	
17	2123110192	Nguyễn Hoàng Khánh	Triệu	01/08/2005	CCQ2311F			0,0			
18	2123110165	Lâm Văn	Trường	13/05/2005	CCQ2311E	1209	Trường	6,8	3,4	4,8	
19	2123110167	Nguyễn Trúc	Trường	23/08/2005	CCQ2311E	1210	Nguyễn Trúc	9,0	5,6	7,0	
20	2123110162	Nguyễn Duy Anh	Tuấn	04/11/2005	CCQ2311E	1207	Tuấn	6,7	5,6	6,0	
21	2123110186	Bùi Quốc	Việt	30/03/2004	CCQ2311F	1208	Bùi Quốc	9,0	5,0	6,6	
22	2123110178	Lê Thanh Phi	Vũ	27/09/2004	CCQ2311E	1209	Lê Thanh Phi	4,9	7,4	6,4	
23	2123110158	Nguyễn Quỳnh Thảo	Vy	20/11/2005	CCQ2311E	1210	Nguyễn Quỳnh Thảo	9,0	6,8	7,7	